

# Cập nhật cổ phiếu CSV quý 3/2022



Dữ liệu phân tích CSV tính đến 12h ngày 20/10/2022 ở mức 38.75 ngàn đồng/ cổ phiếu.

- **Kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng.**

- **Vùng giá cân bằng dưới vùng 39 ngàn đồng/cp.**

## 75% CỔ PHIẾU CHUYỂN ĐỘNG THEO THỊ TRƯỜNG CHUNG

“Triết lý của tôi là tất cả cổ phiếu đều xấu. Không có cổ phiếu nào tốt trừ khi chúng tăng giá. Nếu các cổ phiếu giảm giá, bạn phải cắt lỗ thật nhanh. Ôm chặt lỗ là một trong những sai lầm chết người của hầu hết mọi nhà giao dịch.” - *William O'Neil*

### KHUYẾN CÁO: MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo được đưa ra dựa trên các quan điểm của cá nhân chuyên viên phân tích, không nhằm mục đích chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn tham khảo cho quyết định đầu tư của mình và Tinh Hoa Tài Chính sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc thông tin sai lệch về đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này.

Bản báo cáo này là tài sản của Tinh Hoa Tài Chính. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn, trích dẫn không được sự đồng ý của Tinh Hoa Tài Chính đều là trái pháp luật. Bất kỳ nội dung nào của bản báo cáo này đều không được phép sao chép, sửa đổi, in ấn, trích dẫn nếu không được sự đồng ý của Tinh Hoa Tài Chính.

#### Tinh Hoa Tài Chính

**Founder:** Hoàng Hữu Huấn  
**Address:** Tân Thới Hiệp, Q12, TP HCM

**Phone:** 0962.083.088

**Website:** [Tinhhoataichinh.vn](http://Tinhhoataichinh.vn)

**E-mail:**

[Banquantri@tinhhoataichinh.vn](mailto:Banquantri@tinhhoataichinh.vn)

**Zalo Hoàng Hữu Huấn:**  
0962083088



## LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ:

- Kết quả quý 3 tăng trưởng mạnh;
- Cơ cấu cổ đông;
- Định giá ;
- Đồ thị kỹ thuật;
- Kết luận

Cập nhật:  
11:13 Thứ 5, 20/10/2022

# 38.65

↑ 1 (2.66%)

**Khối lượng** 339,200

Đang giao dịch

Giá tham chiếu	37.65
Giá trần	40.25
Giá sàn	35.05
Giá mở cửa	38
Giá cao nhất	39.5
Giá thấp nhất	38

Đơn vị giá: 1000 VND

<b>Giao dịch NĐTNN</b>	
KL Mua	0
KL Bán	0
GT Mua	0 (Tỷ)
GT Bán	0 (Tỷ)
Room còn lại	0.00 (%)



Ngày giao dịch đầu tiên: **18/03/2015**

Giá đóng cửa phiên GD đầu tiên (nghìn đồng): **21.2**

Khối lượng cổ phiếu niêm yết lần đầu: **44,200,000**

[Lịch sử trả cổ tức chia thưởng và tăng vốn >>](#)

(*) <b>EPS cơ bản</b> (nghìn đồng):	7.31	KLGD khớp lệnh trung bình 10 phiên:	360,620
<b>EPS pha loãng</b> (nghìn đồng):	7.31	KLCP đang niêm yết:	44,200,000
<b>P/E :</b>	4.78	KLCP đang lưu hành:	44,200,000
<b>Giá trị sổ sách /cp</b> (nghìn đồng):	28.61	Vốn hóa thị trường (tỷ đồng):	1,542.58



## 1. Kết quả kinh doanh quý 3 tiếp tục tăng trưởng:

- CSV vừa mới có kết quả kinh doanh quý 3, chi tiết bên dưới:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM  
22 Lý Tự Trọng, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến 30/09/2022

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT Quý 3 Năm 2022

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến 30/09/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1	574.485.758.132	356.077.648.276	1.618.704.300.881	1.055.129.183.123
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	2	-	-	33.842.977	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		574.485.758.132	356.077.648.276	1.618.670.457.904	1.055.129.183.123
4. Giá vốn hàng bán	11	3	391.468.641.843	274.654.377.033	1.069.586.480.387	789.375.991.176
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		183.017.116.289	81.423.271.243	549.083.977.517	265.753.191.947
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4	5.448.068.058	3.919.357.480	14.108.619.550	9.213.086.707
7. Chi phí tài chính	22	5	1.282.688.597	1.339.769.110	4.431.930.811	4.752.158.908
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		529.496.945	1.024.491.910	1.694.530.940	4.067.779.656
8. Chi phí bán hàng	24	6a	21.156.840.153	19.114.356.978	62.024.296.264	58.317.770.085
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6b	20.499.047.434	15.063.946.271	50.225.504.564	43.118.084.387
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		145.526.608.163	49.824.556.364	446.510.865.428	168.778.265.274
11. Thu nhập khác	31	7	11.865.080	22.013.220	417.148.227	55.999.417
12. Chi phí khác	32	8	52.465.928	17.104.261	73.650.022	36.565.282
13. Lợi nhuận khác	40		(40.600.848)	4.908.959	343.498.205	19.434.135
14. Phần (Lãi / Lỗ) thuần trong cty liên kết	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		145.486.007.315	49.829.465.323	446.854.363.633	168.797.699.409
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	9	30.876.722.451	10.775.783.418	92.931.383.489	35.811.417.363
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	10	(1.669.287.802)	(776.157.102)	(3.313.611.374)	(1.944.433.484)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		116.278.572.666	39.829.839.007	357.236.591.518	134.930.715.530
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61		101.427.063.582	39.103.536.563	310.113.418.693	133.715.912.049
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		14.851.509.084	726.302.444	47.123.172.825	1.214.803.481
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.933	885	6.654	3.025

TP.HCM, ngày 18 tháng 10 năm 2022

Người lập biểu

Huỳnh Thị Trang Ý

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hằng





- Kết quả kinh doanh quý 3 tiếp tục tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận, EPS → **Động lực để quý 4 tiếp tục tăng trưởng và cả năm tăng trưởng.**

Quý	Q4 2020	Q1 2021	csv		CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam			
			Q2 2021	Q3 2021	Q4 2021	Q1 2022	Q2 2022	Q3 2022
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>344.05</b>	<b>295.34</b>	<b>403.71</b>	<b>356.08</b>	<b>519.22</b>	<b>482.54</b>	<b>561.65</b>	<b>574.5</b>
% Tăng giá/ giảm giá so với cùng kỳ	-18%	-10%	18%	9%	51%	63%	39.0%	61%
Tăng tốc/ Giảm tốc	Giảm tốc	Tăng tốc	Tăng tốc	Giảm tốc	Tăng tốc	Tăng tốc	Giảm tốc	Tăng tốc
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>37.65</b>	<b>37.94</b>	<b>56.64</b>	<b>39.1</b>	<b>75.24</b>	<b>94.45</b>	<b>114.24</b>	<b>116.2</b>
% Tăng giá/ giảm giá so với cùng kỳ	-43%	-20%	10%	-10%	100%	149%	102%	197%
Tăng tốc/ Giảm tốc	Giảm tốc	Tăng tốc	Tăng tốc	Giảm tốc	Tăng tốc	Tăng tốc	Giảm tốc	Tăng tốc
<b>EPS (quý)</b>	<b>0.852</b>	<b>0.858</b>	<b>1.282</b>	<b>0.885</b>	<b>1.702</b>	<b>2.137</b>	<b>2.585</b>	<b>2.629</b>
% Tăng giá/ giảm giá so với cùng kỳ	-43%	-20%	10%	-10%	100%	149%	102%	197%
Tăng tốc/ Giảm tốc	Giảm tốc	Tăng tốc	Tăng tốc	Giảm tốc	Tăng tốc	Tăng tốc	Giảm tốc	Tăng tốc
<b>EPS (lũy kế 4 quý)</b>	<b>4.07</b>	<b>3.86</b>	<b>3.97</b>	<b>3.88</b>	<b>4.73</b>	<b>6.01</b>	<b>7.31</b>	<b>9.05</b>
<b>Biên lợi nhuận gộp</b>	<b>25.15%</b>	<b>27.14%</b>	<b>25.80%</b>	<b>22.87%</b>	<b>28.13%</b>	<b>36.02%</b>	<b>34.23%</b>	<b>31.88%</b>
Mở rộng/ thu hẹp	Thu hẹp	Mở rộng	Thu hẹp	Thu hẹp	Mở rộng	Mở rộng	Thu hẹp	Thu hẹp
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (triệu cổ)	44.2	44.2	44.2	44.2	44.2	44.2	44.2	44.2
P/E 4 quý	6.66	5.52	6.11	6.44	7.31	6.74	6.45	6.2
<b>Định giá CP với P/E =10 (hợp lý)</b>	<b>40.7</b>	<b>38.6</b>	<b>39.7</b>	<b>38.8</b>	<b>47.3</b>	<b>60.1</b>	<b>73.1</b>	<b>90.5</b>
VCSH	1005.39	1041.28	1055.93	1095.75	1159.38	1245.25	1322.16	1322.16
Vốn hóa thị trường	1197.82	1286.22	1370.2	1281.8	2333.76	1880.71	1723.8	1723.8
P/B	1.19	1.24	1.3	1.17	2.01	1.51	1.3	1.3
ROE (LNST/VCSH)	3.7%	3.6%	5.4%	3.6%	6.5%	7.6%	8.6%	9%
<b>Giá hiện tại</b>	<b>27.1</b>	<b>29.1</b>	<b>31</b>	<b>29</b>	<b>52.8</b>	<b>42.55</b>	<b>38.75</b>	<b>38.75</b>
Đánh giá :Nếu - là rẻ, còn + là đắt hơn với giá hiện tại	-50%	-33%	-28%	-34%	10%	-41%	-89%	-134%
Thời gian hoàn vốn gửi tiết kiệm ls =8%	9	9	9	9	9	9	9	9
Thời gian hoàn vốn đầu tư vào cổ phiếu	6.7	5.5	6.1	6.4	7.3	6.7	6.5	6.2
Đánh giá hiệu quả đầu tư/ gửi tiết kiệm (lần)	1.4	1.6	1.5	1.4	1.2	1.3	1.4	1.5

- Chi tiết:

+ Doanh thu đạt 574.5 tỷ đồng, tăng 61% so với cùng kỳ quý 3 năm 2021. Tăng tốc 22% so với quý liền kề.

+ Lợi nhuận sau thuế đạt 116.2 tỷ tăng 197% so với cùng kỳ. So với quý liền kề thì tăng tốc 95%.

+ EPS đạt 2.629 ngàn đồng/cp và tăng 197 % so với cùng kỳ.

+ Biên lợi nhuận quý 3 đạt 31.88% thu hẹp so với quý 2 năm 2022.

→ Theo phần giải trình của công ty do sản lượng tiêu thụ tăng và giá Phot pho tăng ( công ty con của CSV, ảnh hưởng đến lợi nhuận của CSV). Với 4 quý tăng trưởng mạnh (có quý 2 giảm tốc, nhưng xét tổng thể thì CSV có động lực tăng giá) sẽ làm nền tảng động lực cho những quý sau tăng trưởng.



## - Giải trình công ty về doanh thu, lợi nhuận, biên lợi nhuận tăng ( Khá chi tiết)

Lợi nhuận kế toán trước thuế quý 3/2022 tăng 95.657 triệu đồng (tương ứng tăng 191,97%), và lợi nhuận sau thuế quý 3/2022 tăng 76.449 triệu đồng (tương ứng tăng 191,94%) so với cùng kỳ năm trước do một số nguyên nhân chính:

- Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ quý 3/2022 tăng 218.408 triệu đồng (tỷ lệ tăng 61,34%), nguyên nhân chủ yếu do:

+ Tại công ty mẹ: doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ quý 3/2022 tăng 173.833 triệu đồng (tỷ lệ tăng 69,20%), do sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chính tăng như: NaOH tăng 24%, HCl tăng 65%, Silicate tăng 75%; H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> tăng 56%, Phèn đơn tăng 51%, H<sub>3</sub>PO<sub>4</sub> tăng 66%, Javel tăng 114% và PAC tăng 19%; bên cạnh đó giá bán bình quân một số sản phẩm chính tăng như: NaOH tăng 95%, Silicate tăng 36%, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> tăng 31%, Javel tăng 11%, và H<sub>3</sub>PO<sub>4</sub> tăng 116% .

+ Tại công ty con: doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ quý 3/2022 (đã loại trừ doanh thu doanh thu giao dịch nội bộ) tăng 44.575 triệu đồng do giá bán bình quân photpho vàng tăng 116%, sản lượng tiêu thụ tăng 33%.

- Chi phí giá vốn hàng bán tăng 116.814 triệu đồng (tỷ lệ tăng 42,53%) , do:

+ Tại công ty mẹ: chi phí giá vốn hàng bán tăng do sản lượng tiêu thụ tăng, chi phí giá thành H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> tăng (giá nguyên liệu lưu huỳnh tăng 113%), chi phí giá thành H<sub>3</sub>PO<sub>4</sub> tăng (giá nguyên liệu photpho tăng 137%), chi phí giá thành sản phẩm gốc xút – clor tăng (giá muối công nghiệp tăng 55%).

+ Tại công ty con: sản lượng tiêu thụ sản phẩm photpho vàng tăng 33% và giá vốn hàng bán sản phẩm photpho vàng bình quân tăng 53,25% (do giá nguyên liệu quặng apatit tăng 41,68%, điện cực tăng 25,47% và than cốc tăng 34,71% so với cùng kỳ).

- Doanh thu hoạt động tài chính so với cùng kỳ năm trước tăng 1.529 triệu đồng (tăng 39,00%), do chủ yếu trong kỳ lãi tiền gửi tăng.

- Chi phí bán hàng tăng 2.042 triệu đồng (tăng 10,69%) do sản lượng tiêu thụ tăng và chi phí vận chuyển trên đơn vị sản phẩm tăng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 5.435 triệu đồng (tăng 36,08%).

Trên đây là một số nguyên nhân chính, chủ yếu dẫn đến lợi nhuận sau thuế BCTC hợp nhất quý 3/2022 tăng so với quý 3/2021.

## - Đánh giá triển vọng quý 4 của CSV

+ CSV sẽ hưởng lợi từ giá hóa chất cao; tiềm năng tăng trưởng nhờ mở rộng 25% công suất xút-clo.

+ Việt Nam tiếp tục thiếu nguồn cung NaOH, điều này hỗ trợ tích cực đối với biên lợi nhuận

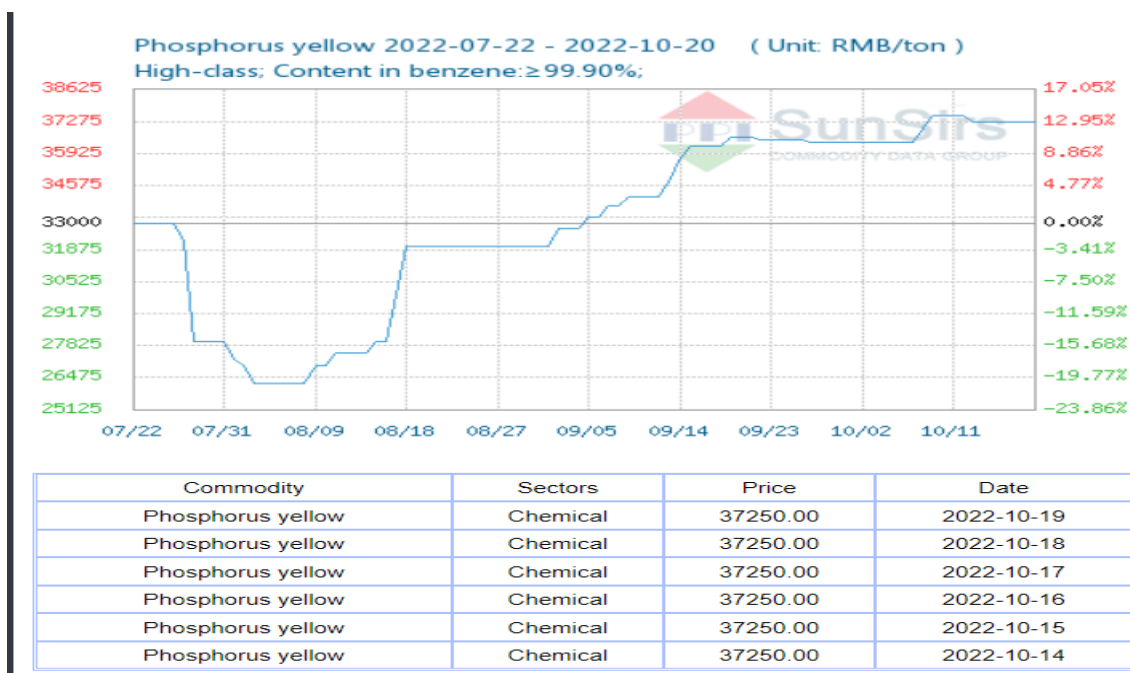


trung hạn của CSV. Nguồn cung NaOH của Việt Nam chỉ đáp ứng khoảng 50% nhu cầu trong nước. Nguồn cung thiếu hụt do các rào cản tham gia của ngành sản xuất xút-clo như nhu cầu clo (sản phẩm đi kèm NaOH) trong nước thấp và các quy trình phê duyệt nghiêm ngặt đối với lĩnh vực sản xuất hóa chất. Biên EBITDA trung bình giai đoạn 2013-2021 của CSV là 22% – bao gồm cả mảng kinh doanh phốt pho có biên lợi nhuận thấp – cao hơn mức 18% của CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (HOSE: DGC) – một công ty hóa chất tư nhân hàng đầu tập trung vào hóa chất phốt pho ([Nguồn tham khảo VCSC](#))

+ Giá Phot Pho vẫn đang duy trì ở mức cao sẽ tiếp tục làm lợi nhuận của công ty tăng → Đóng góp vào công ty mẹ là CSV.

Thông tin tài chính	Thông tin cơ bản	Ban lãnh đạo và sở hữu	Cty con & liên kết	Tài BCTC												
			<table border="1"> <thead> <tr> <th>Vốn điều lệ (tỷ đồng)</th> <th>Vốn góp (tỷ đồng)</th> <th>Tỷ lệ sở hữu (%)</th> <th>Ghi chú</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="4"><b>CÔNG TY CON (1)</b></td> </tr> <tr> <td>CTCP Phốt pho Việt Nam</td> <td>60.49</td> <td>39.35</td> <td>65.05%</td> </tr> </tbody> </table>	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Vốn góp (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú	<b>CÔNG TY CON (1)</b>				CTCP Phốt pho Việt Nam	60.49	39.35	65.05%	
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Vốn góp (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú													
<b>CÔNG TY CON (1)</b>																
CTCP Phốt pho Việt Nam	60.49	39.35	65.05%													

+ Diễn biến giá Phot pho đến thời điểm hiện tại tăng hơn 12.95% so với thời điểm đầu tháng 9



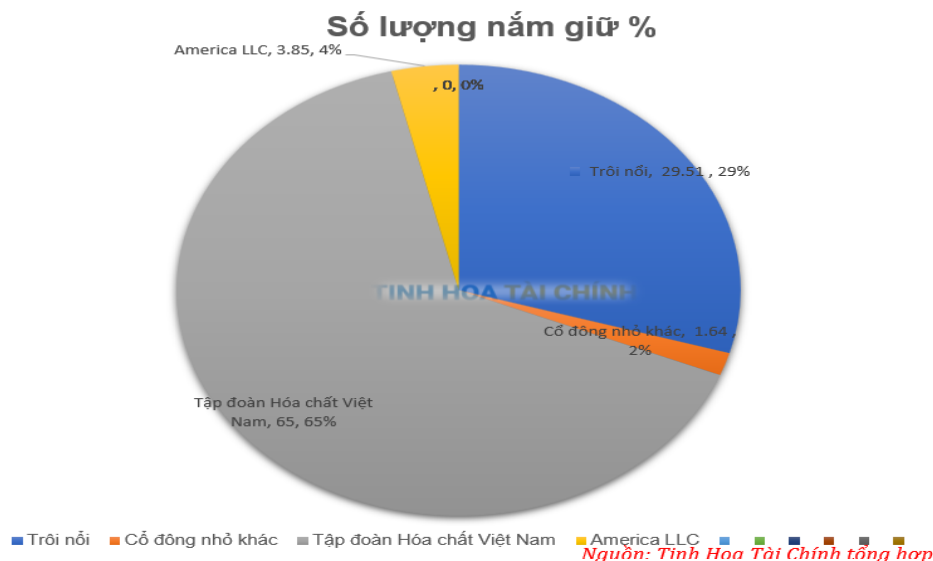


## - **Rủi ro CSV:**

- CSV đối mặt chi phí XDCB lớn dành cho việc di dời nhà máy và thay thế thiết bị. Hầu hết các nhà máy của CSV đều nằm trong KCN Biên Hòa 1 ở tỉnh Đồng Nai, vốn sẽ chuyển đổi mục đích sử dụng thành phi công nghiệp. CSV có kế hoạch hoàn thành di dời các nhà máy này đến KCN Nhơn Trạch 6 trước 2028, và thay thế các thiết bị cũ. Theo CSV, vốn XDCB còn lại của dự án này là 74 triệu USD (gấp 8 lần LNST năm 2021; gấp 1,2 lần tổng tài sản cuối 2021) trong tổng số 92 triệu USD. Số tiền này chưa tính đến khoản bồi thường chưa xác định đối với các nhà máy hiện tại ([Nguồn tham khảo VCSC](#))

## 2. Cơ cấu cổ đông :

- Theo thống kê về cơ cấu cổ đông của CSV thì số lượng trôi nổi đang ở mức 29.51%. Tỷ lệ trôi nổi của CSV thấp → Cổ phiếu cô đặc, tuy nhiên nhà nước đang nắm giữ 65.65% cổ phần của công ty. Nếu nhà nước chuyển cổ phần hóa cho tư nhân thì CSV sẽ liệt xác, DGC là ví dụ điển hình.



- Trong 3 tháng gần nhất không có hoạt động mua – bán của cổ đông lớn.



### 3. Định giá :

- Kết thúc năm 2021 CSV đạt: Doanh thu 1576.77 tỷ đồng (+18% so với năm 2020), lợi nhuận sau thuế 209.26 tỷ đồng ( + 17% so với năm 2020). Riêng EPS được lấy về số lượng cổ phiếu trôi nổi hiện tại là 44.2 triệu cổ → EPS đạt 4.734 ngàn đồng/cp tăng 17% so với năm 2020. *Với P/E thị trường quanh 10 thì giá trị hợp lý của CSV quanh 47.34 ngàn đồng/cp. So với mức giá quanh 38.65 ngàn đồng/cp thì giá cổ phiếu đang hấp dẫn 22%.*

	csv	CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam				
Năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1541.13</b>	<b>1465.86</b>	<b>1588.03</b>	<b>1566.27</b>	<b>1338.91</b>	<b>1576.77</b>
% Tăng giá/ giảm giá so với cùng kỳ		-5%	8%	-1%	-15%	18%
Tăng tốc/ Giảm tốc		Giảm tốc	Tăng tốc	Giảm tốc	Giảm tốc	Tăng tốc
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>170.41</b>	<b>240.24</b>	<b>252.39</b>	<b>245.65</b>	<b>178.72</b>	<b>209.26</b>
% Tăng giá/ giảm giá so với cùng kỳ		41%	5%	-3%	-27%	17%
Tăng tốc/ Giảm tốc		Tăng tốc	Giảm tốc	Giảm tốc	Giảm tốc	Tăng tốc
<b>EPS</b>	<b>3.855</b>	<b>5.435</b>	<b>5.71</b>	<b>5.558</b>	<b>4.043</b>	<b>4.734</b>
% Tăng giá/ giảm giá so với cùng kỳ		41%	5%	-3%	-27%	17%
Tăng tốc/ Giảm tốc		Tăng tốc	Giảm tốc	Giảm tốc	Giảm tốc	Tăng tốc
<b>Biên lợi nhuận gộp</b>	<b>25.92%</b>	<b>28.38%</b>	<b>26.67%</b>	<b>28.18%</b>	<b>27.16%</b>	<b>26.13%</b>
Mở rộng/ thu hẹp		Mở rộng	Thu hẹp	Mở rộng	Thu hẹp	Thu hẹp
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (triệu cổ)	44.2	44.2	44.2	44.2	44.2	44.2
P/E	9.8	7	4.9	3.9	7.2	9
<b>Định giá CP với P/E =10</b>	<b>38.55</b>	<b>54.35</b>	<b>57.1</b>	<b>55.58</b>	<b>40.43</b>	<b>47.34</b>
VCSH	707.42	818.87	842.42	935.75	1004.41	1159.71
ROE (LNST/VCSH)	24%	29%	30%	26%	18%	18%
<b>Giá hiện tại</b>	<b>37.8</b>	<b>37.8</b>	<b>27.95</b>	<b>21.5</b>	<b>29.1</b>	<b>38.75</b>
Đánh giá :Nếu - là rẻ, còn + là đắt hơn với giá hiện tại		-2%	-44%	-104%	-159%	-39%

- Theo quý hiện tại với phương pháp P/B : Hiện tại với mức giá phiên ngày 20/10/2022 thì CSV đang giao dịch với mức P/B =1.3 lần. Tức rủi ro tăng lên 0.3 lần khi giá CSV giảm từ vùng giá hiện tại 38.75 ngàn đồng/ cp xuống mức giá trị sổ sách 28.6 ngàn đồng/cp (Bằng mức giá mua công ty bằng vốn chủ sở hữu) tương ứng 13.6%. *Tuy nhiên cổ phiếu CSV đang có đà tăng trưởng, nên lựa chọn phương pháp định giá P/E hợp lý hơn về sự kỳ vọng trong tương lai của CSV*

- Với EPS lũy kế 4 quý gần nhất của CSV đạt 9.05 ngàn đồng/ cp. Với P/E của thị trường 10 → *Giá trị hợp lý của CSV sẽ quanh 90.5 ngàn đồng/cp, tức rẻ hơn 134% so với mức giá hiện tại.* Với kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm CSV đã hoàn thành kế hoạch của năm.





Quý	csv			CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam				
	Q4 2020	Q1 2021	Q2 2021	Q3 2021	Q4 2021	Q1 2022	Q2 2022	Q3 2022
<b>Doanh thu thuần</b>	344.05	295.34	403.71	356.08	519.22	482.54	561.65	574.5
% Tăng giá/ giảm giá so với cùng kỳ	-18%	-10%	18%	9%	51%	63%	39.0%	61%
Tăng tốc/ Giảm tốc	Giảm tốc	Tăng tốc	Tăng tốc	Giảm tốc	Tăng tốc	Tăng tốc	Giảm tốc	Tăng tốc
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	37.65	37.94	56.64	39.1	75.24	94.45	114.24	116.2
% Tăng giá/ giảm giá so với cùng kỳ	-43%	-20%	10%	-10%	100%	149%	102%	197%
Tăng tốc/ Giảm tốc	Giảm tốc	Tăng tốc	Tăng tốc	Giảm tốc	Tăng tốc	Tăng tốc	Giảm tốc	Tăng tốc
<b>EPS (quý)</b>	0.852	0.858	1.282	0.885	1.702	2.137	2.585	2.629
% Tăng giá/ giảm giá so với cùng kỳ	-43%	-20%	10%	-10%	100%	149%	102%	197%
Tăng tốc/ Giảm tốc	Giảm tốc	Tăng tốc	Tăng tốc	Giảm tốc	Tăng tốc	Tăng tốc	Giảm tốc	Tăng tốc
<b>EPS (lũy kế 4 quý)</b>	4.07	3.86	3.97	3.88	4.73	6.01	7.31	9.05
<b>Biên lợi nhuận gộp</b>	25.15%	27.14%	25.80%	22.87%	28.13%	36.02%	34.23%	31.88%
Mở rộng/ thu hẹp	Thu hẹp	Mở rộng	Thu hẹp	Thu hẹp	Mở rộng	Mở rộng	Thu hẹp	Thu hẹp
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (triệu cổ)	44.2	44.2	44.2	44.2	44.2	44.2	44.2	44.2
P/E 4 quý	6.66	5.52	6.11	6.44	7.31	6.74	6.45	6.2
<b>Định giá CP với P/E =10 (hợp lý)</b>	40.7	38.6	39.7	38.8	47.3	60.1	73.1	90.5
VCSH	1005.39	1041.28	1055.93	1095.75	1159.38	1245.25	1322.16	1322.16
Vốn hóa thị trường	1197.82	1286.22	1370.2	1281.8	2333.76	1880.71	1723.8	1723.8
P/B	1.19	1.24	1.3	1.17	2.01	1.51	1.3	1.3
ROE (LNST/VCSH)	3.7%	3.6%	5.4%	3.6%	6.5%	7.6%	8.6%	9%
<b>Giá hiện tại</b>	27.1	29.1	31	29	52.8	42.55	38.75	38.75
Đánh giá :Nếu - là rẻ, còn + là đắt hơn với giá hiện tại	-50%	-33%	-28%	-34%	10%	-41%	-89%	-134%
Thời gian hoàn vốn gửi tiết kiệm ls =8%	9	9	9	9	9	9	9	9
Thời gian hoàn vốn đầu tư vào cổ phiếu	6.7	5.5	6.1	6.4	7.3	6.7	6.5	6.2
Đánh giá hiệu quả đầu tư/ gửi tiết kiệm (lần)	1.4	1.6	1.5	1.4	1.2	1.3	1.4	1.5

→ Nếu lấy mức giá EPS của năm 2021 quy về giá hiện tại thì giá hợp lý của CSV quanh vùng 47 ngàn đồng/cp → Thấp hơn giá hiện tại 38.75 ngàn đồng/cp . (Biên an toàn của năm 2021 trả cho cổ phiếu CSV)

→ Còn vấn đề lãi suất tiền gửi tính mức cao nhất là 8% nếu gửi tiết kiệm thì cần 9 năm hoàn vốn. Trong khi cùng lượng tiền đó đầu tư vào CSV tính đến quý 3 năm 2022 thì cần 6.2 năm hoàn vốn. Như vậy Đầu tư vào CSV sẽ hiệu quả hơn gửi tiết kiệm 1.5 lần.

#### 4. Đồ thị kỹ thuật.

- Trục biên an toàn của CSV quanh vùng 45 ngàn đồng/cp. Vùng này kháng cự kênh trên của mẫu hình tam giác, vượt vùng này triển vọng lên vùng 66 ngàn đồng/cp (nếu thị trường chung hồi phục mạnh)



+ MACD histogram cắt lên 0 và khối lượng giảm khi giá giao động trong mẫu hình tam giác → Nguồn cung của CSV đã cạn.

+ Đường hỗ trợ cạnh dưới của CSV đang ở vùng quanh 37-38 ngàn đồng/cp

## 5. Kết luận.

- CSV có kết quả kinh doanh tăng trưởng trong 4 quý gần nhất, nhưng trong bối cảnh thị trường chung đang giảm điểm nên sẽ bị ảnh hưởng và cần nhiều thời gian để lấy lại được mẫu hình xu hướng tăng.

- Chiến lược tham khảo : **Giải ngân 15% -20% NAV ( không dùng margin) cho CSV vùng dưới 39 ngàn đồng/ cp.** Chốt lãi ngắn hạn quanh vùng 47 ngàn đồng/cp, còn nếu thị trường hồi phục tốt kỳ vọng lên 60- 65 ngàn đồng/cp. Dùng lỗ ở vùng 37.5



## Một số thuật ngữ :

### \*\*\* Khi tìm hiểu về quy tắc 72 về lãi kép để tính mức lãi suất nhận được.

+ Lãi kép là “lãi của lãi” hay “lãi mẹ đẻ lãi con”, tức là đến hạn tiền lãi kỳ trước sẽ được tính là tiền gốc. Và tiền lãi kỳ tiếp theo sẽ được tính trên cả số tiền này. Lãi kép khác với lãi đơn – chỉ tính tiền lãi trên số tiền gốc ban đầu.

+ Quy tắc 72 là một cách tính nhanh tác dụng của lãi kép. Đây là công thức giúp bạn tính nhanh thời gian cần thiết để nhân đôi số tiền đầu tư. Công thức này được áp dụng là lấy 72 chia cho lãi suất.

+ Công thức:

$$t = 72 : R \text{ (công thức 1)}$$

Trong đó:

t: thời gian nhân đôi khoản đầu tư ban đầu

R: Lãi suất

### \*\*\* Phương pháp định giá

+ Phương pháp P/E

- P/E (Price to Earning Ratio – PER) là một trong những công cụ để định giá cổ phiếu khi đầu tư chứng khoán. Chỉ số P/E chính bằng số năm mà nhà đầu tư hòa vốn khi đầu tư vào doanh nghiệp nếu lợi nhuận không đổi, nó cũng có giá trị ở hiện tại và không phản ánh được gì nhiều về tương lai.

$$P/E = \text{Giá thị trường} / \text{EPS hoặc}$$

$P/E = \text{Vốn hóa công ty} / \text{Lợi nhuận sau thuế (EPS là số liệu 4 quý gần nhất, tại thời điểm định giá.)}$



- Nhà đầu tư nên phân biệt rõ hai loại P/E: loại lấy thu nhập 4 quý trước đó (gọi là trailing P/E) và loại dự báo thu nhập 4 quý tiếp theo (gọi là forward P/E hay P/E dự phóng). Khi nói đơn giản P/E, thì nên hiểu là trailing P/E.

## + Theo phương pháp P/B

- Tỷ số (hệ số) P/B (Price to Book Value Ratio - PBR) là một công cụ của phương pháp phân tích cơ bản để định giá cổ phiếu, thể hiện giá cổ phiếu gấp bao nhiêu lần tài sản ròng của công ty.

$$P/B = \text{Giá thị trường} / \text{Giá trị sổ sách} \text{ hoặc } P/B = \text{Vốn hóa công ty} / \text{Vốn chủ sở hữu}$$

- Về mặt lý thuyết, giá cổ phiếu của công ty phụ thuộc vào tài sản ròng tức là giá trị sổ sách của một cổ phiếu. Vậy bạn cần phải xác định giá trị sổ sách hiện tại và giá trị sổ sách tương lai để xác định xem cách biệt của chúng lớn hay không. Tài sản ròng lớn có thể giúp bạn phần nào thấy an toàn, nhưng nó không có nhiều ý nghĩa với giá cổ phiếu. Với những công ty có giá trị vô hình lớn, bạn sẽ định giá, so sánh với các công ty cùng ngành, đâu giá mức độ tăng trưởng bằng cách nào?

- Chỉ số P/B phản ánh số tiền mà nhà đầu tư bỏ ra so với vốn chủ sở hữu của Công ty, tức là mối quan hệ giữa giá thị trường và giá sổ sách. Trong khi giá cổ phiếu trên thị trường là thước đo của dòng Liên mà công ty sinh ra trong tương lai. Còn giá trị sổ sách (vốn chủ hữu) là thước đo kế toán dựa trên lịch sử và hiện tại



## MỘT SỐ TÀI LIỆU VÀ DỊCH VỤ PHÂN TÍCH TINH HOA TÀI CHÍNH.

1. SÁCH PHÂN TÍCH VỀ CANSLIM : <https://tinhhoataichinh.vn/san-pham/bo-sach-lam-giau-qua-chung-khoan-huong-dan-thuc-hanh-canslim/>
2. TỦ SÁCH ĐẦU TƯ: <https://tinhhoataichinh.vn/danh-muc-sp/tu-sach-dau-tu/>
3. ĐĂNG KÝ MỞ TÀI KHOẢN: Tại công ty chứng khoán VPS  
: <https://forms.gle/oydXjMi2fbejbmPk7> ID ở VPS: 3588 của Hoàng Hữu Huấn.

Hoạt động của room tư vấn:

- Cập nhật phân tích cổ phiếu điểm mua - bán ,cắt lỗ chi tiết sau mỗi ngày giao dịch;
- Hỗ trợ phân tích những cổ phiếu theo yêu cầu (Cả cơ bản và phân tích kỹ thuật);
- Giải đáp những thắc mắc liên quan đến cổ phiếu, mẫu hình, các chỉ báo cơ bản....
- Yêu cầu: NAV tối thiểu 300 triệu đồng.

## 4. THÔNG TIN CHUYỂN KHOẢN

> Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam

> Chủ tài khoản: Hoàng Hữu Huấn

> Số tài khoản: 0281000435890

> Tại ngân hàng: Vietcombank – CN Bình Dương – Tỉnh Bình Dương

> Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam

> Chủ tài khoản: Hoàng Hữu Huấn

> Số tài khoản: 31510001088632

> Tại ngân hàng: BIDV – CN Phú Nhuận – TP. Hồ Chí Minh